

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phùng Huy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 550/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn B, xã M, huyện A, Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đoàn D, sinh năm 1983, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Đoàn D xây dựng hạnh phúc với nhau

do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn T, xã C, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh D không quan tâm gia đình, anh chơi bời cờ bạc nợ nần, chị phải trả nợ cho anh. Năm 2011 anh D chơi bời và gây gỗ đánh nhau dẫn đến chết người vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 20 năm tù và anh D đang chấp hành án tại Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Thời gian này chị đang có thai con thứ hai được hơn 01 tháng tuổi, chị sống cùng mẹ anh D nhưng giữa chị và mẹ chồng không hòa hợp nên chị xin phép về nhà bố mẹ đẻ ở xã M và sinh con thứ hai được sự hỗ trợ của bố mẹ chị. Thời gian anh D chấp hành án chị có đi thăm và đặt vấn đề ly hôn đối với anh D, anh D nhất trí. Chị xét thấy vợ chồng chung sống mâu thuẫn, anh D chấp hành án thời gian dài tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Đoàn D.

Về con chung: Chị và anh Bùi Đoàn D có 02 con chung là Bùi Đoàn Khánh D, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Bùi Đoàn Duy K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh D đang chấp hành án không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Bùi Đoàn D không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Bùi Đoàn D thể hiện: Anh nhất trí với lời khai của Chị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Tuy nhiên năm 2011 anh vi phạm pháp luật do đánh nhau dẫn đến chết người bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 20 năm tù và anh đang chấp hành án tại Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Anh xét thời gian vợ chồng xa cách, không còn tin tưởng nhau về tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh D nhất trí có 02 con chung, họ, tên, tuổi các con như Chị H trình bày. Ly hôn anh đồng ý Chị H nuôi 02 con, do hiện nay anh đang chấp hành án anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh và Chị H không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn, bị đơn là anh Bùi Đoàn D đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và có lời khai. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Đoàn D do đang chấp hành án phạt tù nên không tham gia

tổ tụng tại phiên tòa nhưng anh D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Đoàn D; về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Bùi Đoàn Khánh D, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Bùi Đoàn Duy K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011. Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh D không có nên không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Bùi Đoàn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Đoàn D.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đoàn D xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau. Năm 2011 anh D chơi bời, đánh nhau dẫn đến chết người bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 20 năm tù và anh đang chấp hành án tại Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị H và anh D không tin tưởng nhau về mặt tình cảm nên không còn quan tâm đến nhau. Chị H xin ly hôn anh D, anh D đồng ý.

[4] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu xác minh tại địa phương và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa Chị H và anh

D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh D, anh D đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Bùi Đoan Khánh D, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Bùi Đoan Duy K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011. Ly hôn Chị H đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét anh Bùi Đoan D hiện nay đang chấp hành án không có điều kiện trực tiếp chăm sóc và cấp dưỡng nuôi các con. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng 02 con Bùi Đoan Khánh D và Bùi Đoan Duy K. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Bùi Đoan D được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Đoan D.

2. Về con chung: Giao con Bùi Đoan Khánh D, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Bùi Đoan Duy K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Bùi Đoan D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002815 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Bùi Đoan D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn